

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2024-2025)
Lớp học phần: [23401801] - Bóng đá (CCQ2434A)

STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%				Đ.THI	TBTk	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1		Hệ số 2				
					1	2	1	TBTH			
1	2124230020	Đỗ Kỳ	Anh	08/04/2006	7.5	8.0	7.0	7.4	4.0	5.4	
2	2124340038	Dương Nguyên	Anh	20/04/2006	7.5	8.5	7.0	7.5	5.0	6.0	
3	2124340006	Lê Tuấn	Anh	27/10/2006	9.5	9.5	6.5	8.0	5.0	6.2	
4	2124340033	Huỳnh Gia	Bảo	16/10/2006	7.5	8.0	6.5	7.1	5.0	5.9	
5	2124230033	Hùynh Ngọc	Cảm	02/05/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
6	2124230001	Hồ Hữu	Chánh	10/07/2006	8.0	8.5	7.5	7.9	4.0	5.6	
7	2124340037	Nguyễn Bảo	Châu	01/10/2006	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.5	
8	2124340029	Lê Trọng	Danh	16/06/2006	7.5	8.0	7.0	7.4	4.0	5.4	
9	2124230003	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Đạt	24/11/2006	9.0	9.0	9.5	9.3	8.0	8.5	
10	2124230017	Nguyễn Ngọc Anh	Đạt	16/01/2006	8.0	8.0	7.5	7.8	4.0	5.5	
11	2124340021	Cao Bảo	Duy	16/01/2006	9.5	9.0	6.5	7.9	4.0	5.6	
12	2124340005	Hồ Tường	Duy	09/09/2006	10.0	9.5	6.5	8.1	5.0	6.3	
13	2124340020	Nguyễn Trần Bá	Duy	05/05/2006	8.5	9.0	6.5	7.6	4.0	5.5	
14	2124230015	Huỳnh Hoài	Hiền	23/11/2004	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	
15	2124340009	Nguyễn Hữu	Hiếu	13/07/2006	8.5	9.0	7.5	8.1	5.0	6.3	
16	2124340004	Phạm Minh	Hiếu	28/03/2005	7.5	8.0	6.5	7.1	6.0	6.5	
17	2124340028	Nguyễn Xuân	Hùng	10/12/2006	8.5	9.0	7.0	7.9	7.0	7.4	
18	2124340011	Hồ Quốc	Huy	19/11/2006	7.0	8.0	7.0	7.3	7.0	7.1	

19	2124230013	Linh Quang	Huy	23/09/2006	8.0	8.5	7.0	7.6	6.0	6.7	
20	2124230035	Nguyễn Trọng	Huy	30/06/2006	9.0	9.5	8.0	8.6	5.0	6.5	
21	2124230028	Trần Trường	Huy	23/03/2006	9.5	9.0	7.0	8.1	4.0	5.7	
22	2124340030	Võ Văn	Huy	16/10/2006	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	7.4	
23	2124230030	Đỗ Nam	Khánh	05/01/2006	9.0	8.5	7.5	8.1	4.0	5.7	
24	2124230034	Nguyễn Đức Anh	Khoa	18/03/2006	8.0	8.5	7.0	7.6	4.0	5.5	
25	2124340008	Trần Minh Đăng	Khoa	09/06/2006	8.5	9.0	8.0	8.4	9.0	8.8	
26	2124230039	Nguyễn Chí	Kiên	21/11/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
27	2124340031	Hồ	Kiệt	06/11/2006	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.5	
28	2124230037	Lê Anh	Kiệt	05/01/2006	9.0	9.5	9.0	9.1	8.0	8.5	
29	2124340015	Phạm Tuấn	Kiệt	10/11/2006	9.5	8.5	6.5	7.8	8.0	7.9	
30	2124340012	Nguyễn Ngọc Hoàng	Lâm	20/04/2006	7.5	8.0	7.0	7.4	5.0	6.0	
31	2124230006	Nguyễn Thành	Lộc	15/02/2006	8.5	8.5	8.0	8.3	8.0	8.1	
32	2124230026	Đỗ Đức	Mạnh	07/05/2006	4.0	4.0	7.0	5.5	9.0	7.6	
33	2124340032	Lê Nguyên Duy	Mạnh	07/09/2005	8.5	8.0	6.5	7.4	9.0	8.4	
34	2124230014	Lê Thị Trà	My	25/02/2006	9.0	9.5	7.5	8.4	5.0	6.4	
35	2124340003	Phạm Việt	Nam	04/09/2006	8.5	9.0	8.0	8.4	6.0	7.0	
36	2124230011	Nguyễn Thảo	Nguyên	07/04/2006	8.0	8.0	7.5	7.8	9.0	8.5	
37	2124340027	Trần Nguyễn Minh	Nguyên	15/01/2006	8.0	8.0	7.5	7.8	7.0	7.3	
38	2124230012	Trần Phạm Khánh	Nguyên	11/09/2006	8.0	9.0	7.0	7.8	6.0	6.7	
39	2124340018	Hà Hoàng	Nhân	01/09/2006	8.5	9.5	7.0	8.0	9.0	8.6	
40	2124340002	Nguyễn Quang	Nhân	09/12/2006	8.5	9.0	7.0	7.9	7.0	7.4	
41	2124340013	Nguyễn Long	Nhật	27/04/2006	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	7.4	
42	2124230016	Phạm Văn	Nhật	14/12/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
43	2124230018	Võ Minh	Nhật	19/10/2006	8.0	7.5	7.0	7.4	5.0	6.0	
44	2124340026	Trần Đức	Niên	09/04/2006	8.0	9.0	7.5	8.0	6.0	6.8	

45	2124340019	Nguyễn Thành	Phát	06/05/2006	9.5	8.5	7.0	8.0	8.0	8.0	
46	2124230027	Nguyễn Hữu	Phong	03/05/2006	9.0	8.5	7.0	7.9	4.0	5.6	
47	2124230007	Trương Trường	Phúc	21/10/2006	8.5	9.0	7.0	7.9	5.0	6.2	
48	2124340036	Đoàn Nhật	Quang	04/07/2006	8.0	7.0	6.5	7.0	5.0	5.8	
49	2124340016	Trần Ngọc	Quý	09/04/2006	7.0	7.5	7.0	7.1	4.0	5.3	
50	2124230008	Nguyễn Thanh	Sang	15/09/2006	7.5	8.5	7.0	7.5	6.0	6.6	
51	2124340014	Lê Văn	Sĩ	30/11/2006	8.5	9.0	7.5	8.1	8.0	8.1	
52	2124340024	Nguyễn Duy	Tân	24/06/2006	8.0	8.0	6.5	7.3	4.0	5.3	
53	2124230010	Võ Thanh	Tấn	01/09/2006	9.0	8.5	7.5	8.1	4.0	5.7	
54	2124340023	Nguyễn Trọng	Thạch	01/01/2006	8.0	8.0	7.0	7.5	5.0	6.0	
55	2124340035	Lê Trung	Thiên	27/11/2006	8.5	8.5	7.0	7.8	8.0	7.9	
56	2124230036	Nguyễn Minh	Thiện	17/10/2006	7.5	7.5	7.0	7.3	4.0	5.3	
57	2124230002	Thái Trường	Thịnh	10/12/2006	9.0	9.0	9.5	9.3	10.0	9.7	
58	2124230019	Võ Xuân	Tiến	17/02/2006	8.5	8.5	8.0	8.3	9.0	8.7	
59	2124340010	Huỳnh Hữu	Tính	26/04/2006	7.0	8.0	7.0	7.3	0.0	2.9	Vắng thi
60	2124230031	Nguyễn Cao	Toàn	22/09/2006	9.0	9.5	8.0	8.6	10.0	9.5	
61	2124340007	Nguyễn Chí	Toàn	14/04/2006	9.0	8.5	7.0	7.9	7.0	7.4	
62	2124340022	Hồ Tấn	Trí	10/05/2005	7.5	8.0	7.0	7.4	4.0	5.4	
63	2124230023	Lê Anh	Trọng	10/09/2005	8.5	9.0	9.5	9.1	9.0	9.1	
64	2124230038	Huỳnh Phạm Nhật	Tú	26/12/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
65	2124230032	Trần Bá	Tuấn	21/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
66	2124340039	Trần Minh	Việt	18/09/2006	8.0	8.5	8.0	8.1	4.0	5.7	
67	2124230022	Lê Quang	Vinh	15/02/2006	9.0	9.5	7.5	8.4	7.0	7.6	
68	2124340025	Nguyễn Khắc	Vỹ	01/02/2006	7.5	8.0	7.0	7.4	9.0	8.4	
Tổng cộng:		68			####	####	459.00	494.38	430.55		